



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Thanh Liệt, TP Hà Nội

Đ/c PTN: Liền kề lô số 16, ô số 31, dự án khu đô thị mới Kim Chung - Di Trạch, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 06610/2026/PKQ/26.3815

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MAY VIỆT THUẬN
Địa chỉ : Lô P1, đường N5A, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình
Địa điểm quan trắc : Lô P1, đường N5A, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình
Vị trí lấy mẫu : - NT.220526-009- Nước thải sau hệ thống xử lý tại điểm xả cuối đầu nối với hệ thống thoát nước của khu công nghiệp, tọa độ X=2259174, Y=566747 (NT)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 22/05/2026 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 09/06/2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT	Cột B, C _{max}
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,26	5,5 ÷ 9
2	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	HD.QT.N.01	3,9	-
3	Clo dư ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	KPH (MDL=0,1)	1,98
4	TSS ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	7,3	99
5	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1,5	49,5
6	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	3,5	148,5
7	Amoni (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=0,4)	9,9
8	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	18,2	39,6
9	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH (MDL=0,02)	0,495
10	Tổng phosphor (Tổng P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	KPH (MDL=0,02)	5,94
11	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1,1)	9,9
12	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	1,8×10 ²	5.000

Ghi chú:

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp (Áp dụng quy chuẩn so sánh theo nội dung giấy phép môi trường số 1475/GPMT-UBND do UBND tỉnh Nam Định cấp ngày 27/7/2023)

1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

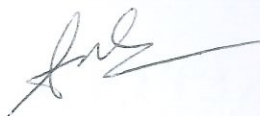
+ $C_{\max} = C \times K_q \times K_f$ (Với $K_q=0,9$, $K_f=1,1$)

TP. PHÒNG THỬ NGHIỆM



Nguyễn Thị Duyên

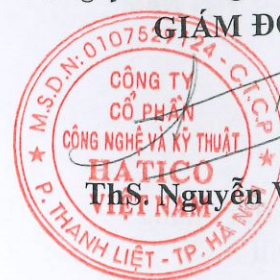
CÁN BỘ QA/QC



Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC



ThS. Nguyễn Văn Hòa

1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.